

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 23 - 3 - 2022.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu.

Ông Hồ Quốc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tăng Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà 152, ấp Bưng Buổi, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Mai Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Bưng Long, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 09/11/2021 nguyên đơn bà Tăng Thị N trình bày: Bà N và ông Mai Văn P tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 27/3/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 11/2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Sau khi sống ly thân thì bà N và ông P có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà N và ông P có 01 người con chung là Mai Hiên Đ, sinh ngày 06/4/2019 sống chung với bà N. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Bà Tăng Thị N yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn P; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Mai Hiểu Đ đến khi thành niên và không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu gì.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Mai Văn P trình bày: Ông P thống nhất với toàn bộ phần trình bày của bà Tăng Thị N về mối quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, ông P không thống nhất ly hôn; về con chung thống nhất giao cháu Mai Hiểu Đ cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và ông P không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu gì.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Tăng Thị N và ông Mai Văn P đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tăng Thị N; giao cháu Mai Hiểu Đ cho bà Tăng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Mai Văn P không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Mai Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Tăng Thị N và ông Mai Văn P tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 27/3/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông P là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bà N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N và ông P đều xác định nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và sau khi sống ly thân thì bà N và ông P có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà N và ông P đoàn tụ với nhau nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn với ông P vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà N và ông P đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà N xin ly hôn với ông P là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông P.

[3] Về con chung: Bà Tăng Thị N và ông Mai Văn P xác định trong thời gian chung sống, bà N và ông P có 01 người con chung là Mai Hiếu Đ, sinh ngày 06/4/2019; bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi bà N và ông P sống ly thân cho đến nay cháu Đ do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì ông P thống nhất giao cháu Đ cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Đ, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu Đ cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra, căn cứ vào khoản 3 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông P mà không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Tăng Thị N không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tăng Thị N và ông Mai Văn P xác định trong thời gian chung sống bà N và ông P không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Tăng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Mai Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Thị N được ly hôn với ông Mai Văn P.

1.2. Về con chung: Giao cháu Mai Hiếu Đ, sinh ngày 06/4/2019 cho bà Tăng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Mai Văn P không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Mai Văn P mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tăng Thị N và ông Mai Văn P xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tăng Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003296 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Tăng Thị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Mai Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung